TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/DS-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Võ Thị Mai
Bà Lê Thị Chí

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Gia Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐHPT-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, trú tại: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 11 năm 2021). (Vắng mặt).

2.Bị đơn: Ông Trương Phạm Trường Đ, sinh năm: 1983, địa chỉ cư trú: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây viết tắt là ngân hàng) và quá trình giải quyết vụ án ông T là đại diện của nguyên đơn trình bày vào ngày 13/10/2011 giữa ngân hàng và

ông Đ có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng.

Thẻ tín dụng trên được ông Đ sử dụng để chi tiêu nhưng ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đúng kỳ hạn cho ngân hàng mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ trả một lần số tiền nợ gốc: 31.941.916 đồng, nợ lãi: 92.545.399 đồng, tổng cộng: 124.487.315 đồng.

Ông T là đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu ông Đ trả số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm nợ gốc là 31.941.916 đồng, nợ lãi là 121.148.953 đồng, tổng cộng: 153.090.869 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đ có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với số tiền chưa thanh toán cho đến khi ông Đ trả nợ xong.

Do ông Đ cư trú tại địa phương nhưng chuyển đi đâu không rõ nên việc tống đạt trực tiếp không thể thực hiện được nên Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể như sau: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; tống đạt cho các đương sự đúng quy định pháp luật; tiến hành phiên hòa giải đúng quy định tại Điều 208; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203; quyết định đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo hợp đồng tín dụng ghi địa chỉ bị đơn cư trú tại số: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; kết quả xác minh bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương đi đâu không rõ; bị đơn bỏ đi không thông báo cho ngân hàng biết về nơi cư trú mới đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Do đương sự: Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa vì vậy căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2]. Xét yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ngân hàng thấy rằng, thỏa thuận của các bên trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/10/2011 mà ngân hàng ký kết với ông Đ là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 về nội dung lẫn hình thức.

Căn cứ vào phiếu yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 13/10/2011, bảng sao kê chi tiết sử dụng và tính lãi thẻ tín dụng thì việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở để xem xét. Sau khi sử dụng thẻ để chi tiêu cho nhu cầu cá nhân thì ông Đ phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ tiền lãi nhưng ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết là vi phạm Điều 2 trong thỏa thuận phát hành thẻ tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đ phải hoàn trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc: 31.941.916 đồng, nợ lãi: 121.148.953 đồng, tổng cộng: 153.090.869 đồng cho ngân hàng là cơ sở để chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngân hàng yêu cầu ông Đ có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận của yêu cầu phát hành thẻ tín dụng là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử buộc ông Đ trả cho ngân hàng số tiền 153.090.869 đồng theo thỏa thuận trong yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 13/10/2011, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là thỏa đáng và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ phải trả số tiền 153.090.869 đồng nên phải chịu án phí là 153.090.869 x 5% = 7.654.543 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 3.112.183 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0026140 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1. Buộc ông Trương Phạm Trường Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc 31.941.916 đồng, nợ tiền lãi 121.148.953 đồng, tổng cộng: 153.090.869 (Một trăm năm mươi ba triệu, không trăm chín mươi ngàn, tám trăm sáu mươi chín) đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Phạm Trường Đ phải chịu là 7.654.543 (Bảy triệu, sáu trăm năm mươi bốn ngàn, năm trăm bốn mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 3.112.183 (Ba triệu, một trăm mười hai ngàn, một trăm tám mươi ba) đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0026140 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường